CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cao su Sông Bé

Ngày 30/06/2025	8,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.0%	**-**	**-3.5%**

DT thuần
Q2/25
19.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼80.6| -80.6%
YoY: ▼42.8| -68.9%

LN thuần
Q2/25
3.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.9| -85.8%
YoY: ▲ 8.26| 192%

LN sau thuế
Q2/25
4.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.2| -81.1%
YoY: ▲ 11.7| 157%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
20.4%
YoY: +/-▼ 7.4%

ROE (TTM)
Q2/25
9.6%
YoY: +/-▲ 1.3%

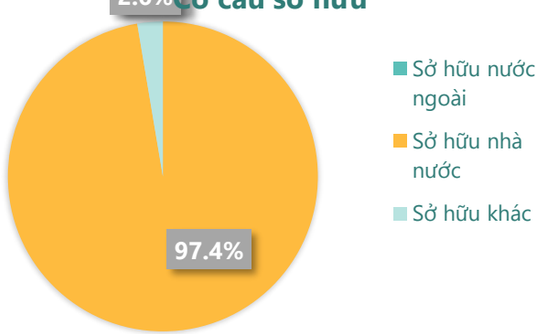
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,319 - 10,149
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	659
Số lượng CPLH (CP)	81,396,192
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.04
EPS	976
P/E	8.3

DT thuần
6T 2025
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.6| 58.9%

LN thuần
6T 2025
31.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.4| 1385%

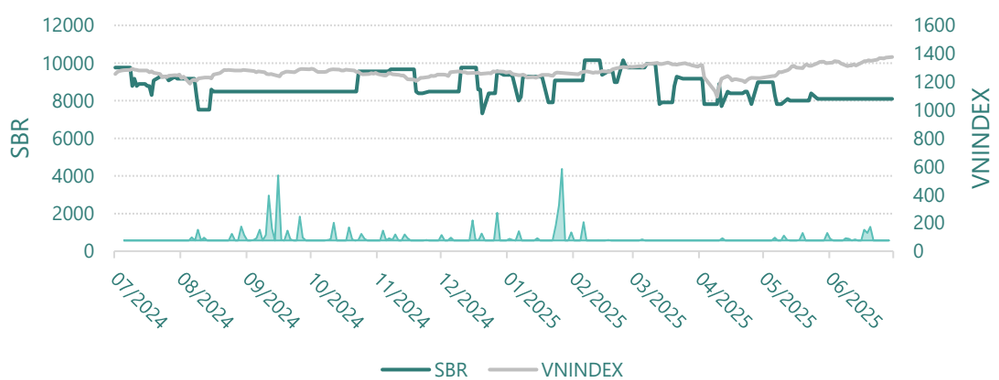
LN sau thuế
6T 2025
26.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.6| 544%

Cơ cấu sở hữu

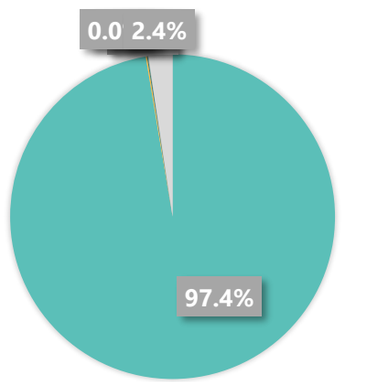


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

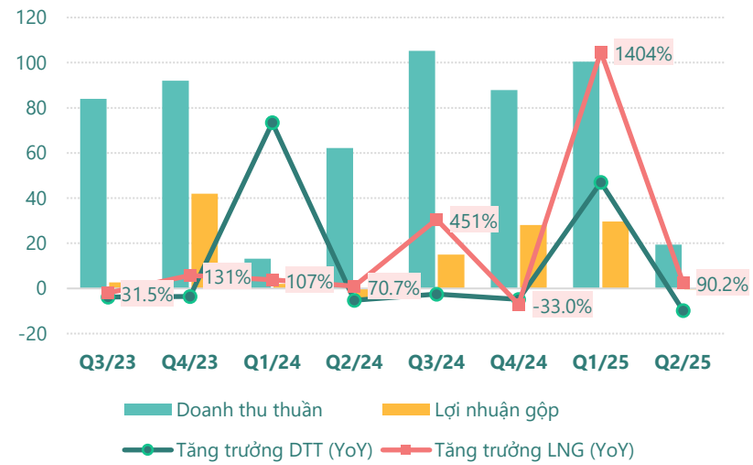


- UBND Tỉnh Bình Phước
- Công đoàn CTCP Cao su Sông Bé
- Nguyễn Đông Dần (Tổng giám đốc)
- Huỳnh Quang Vĩnh (Kế toán trưởng)
- Thái Công Cần (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

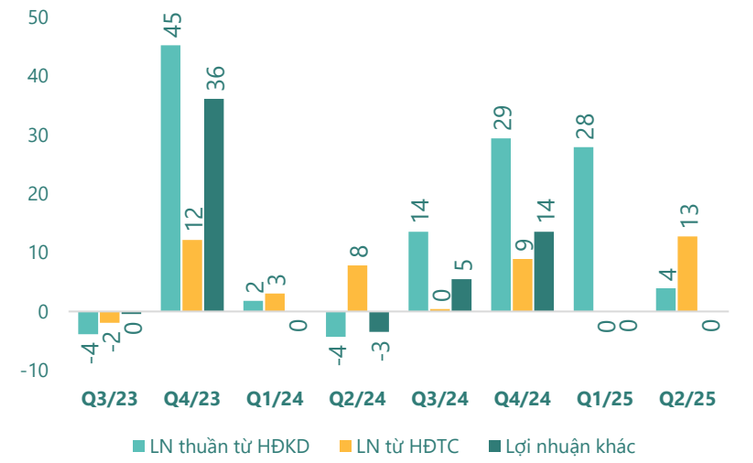
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



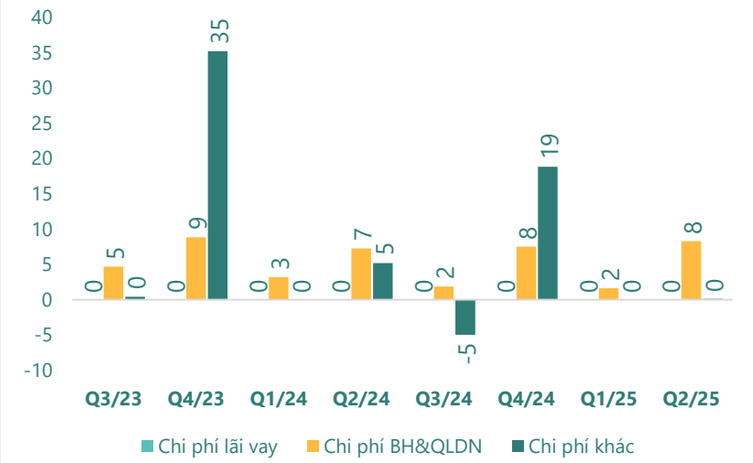
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



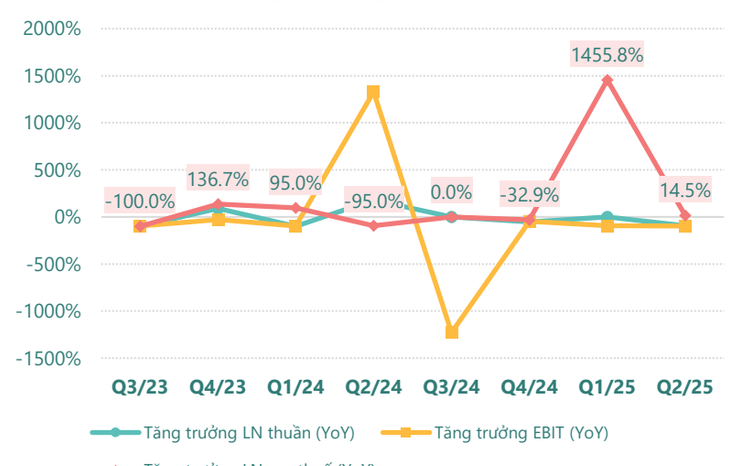
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



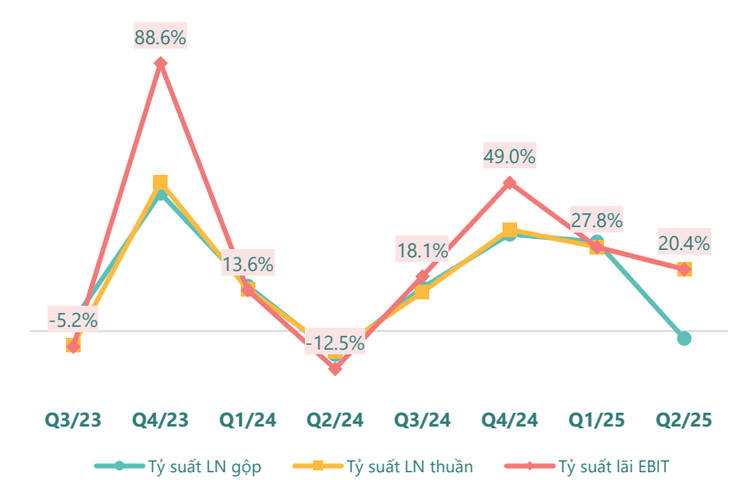
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



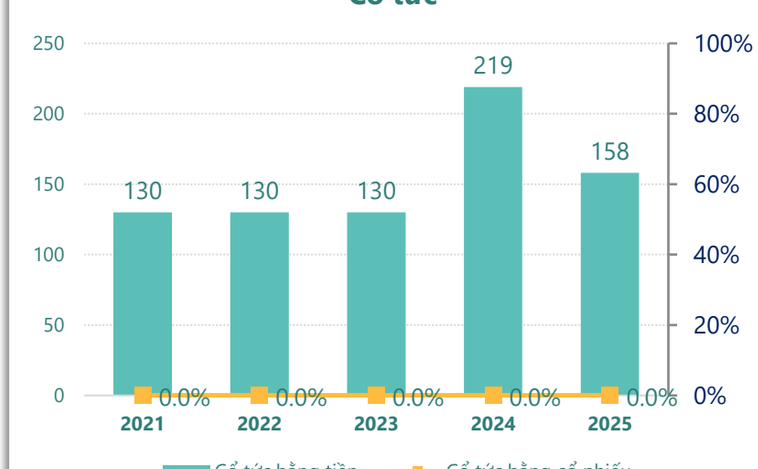
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

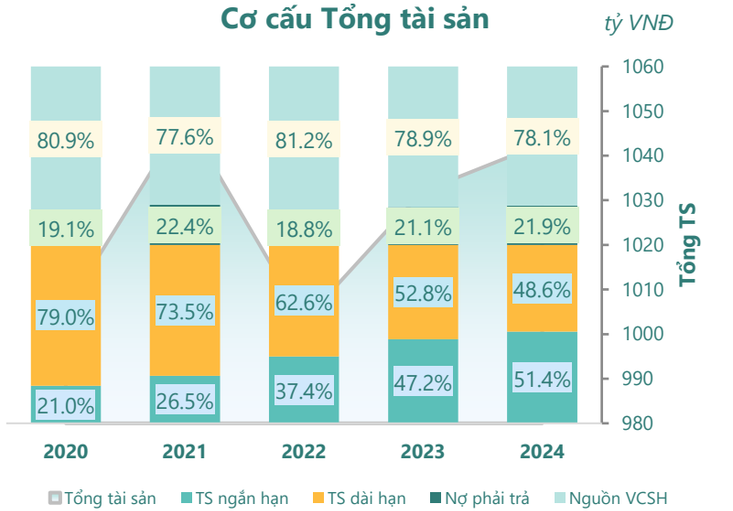
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

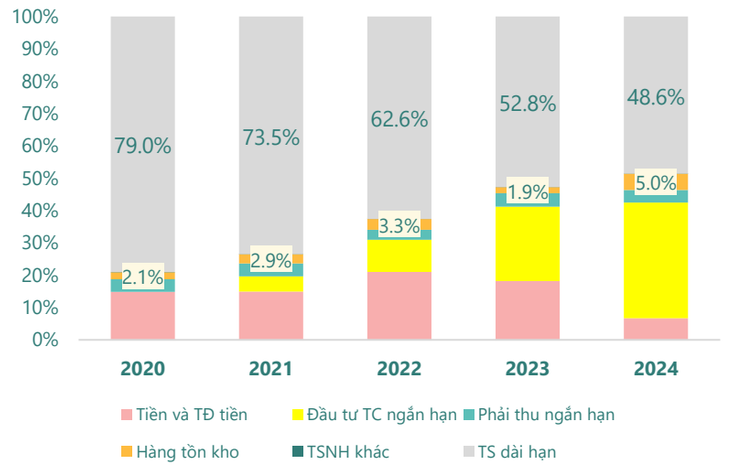
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



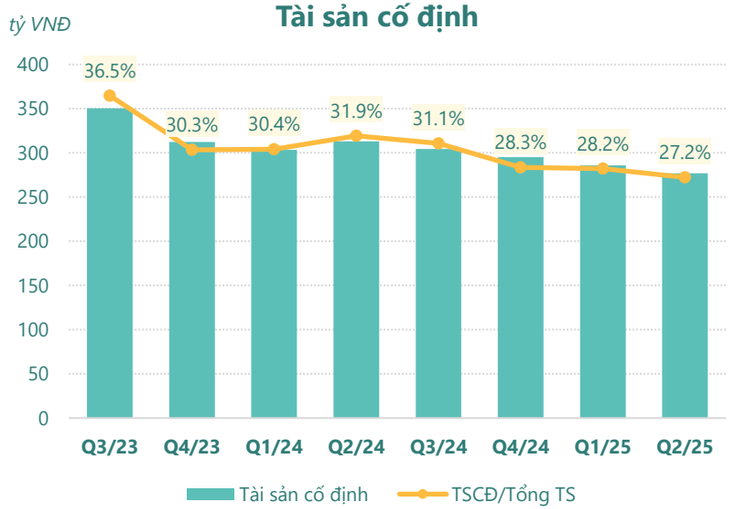
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



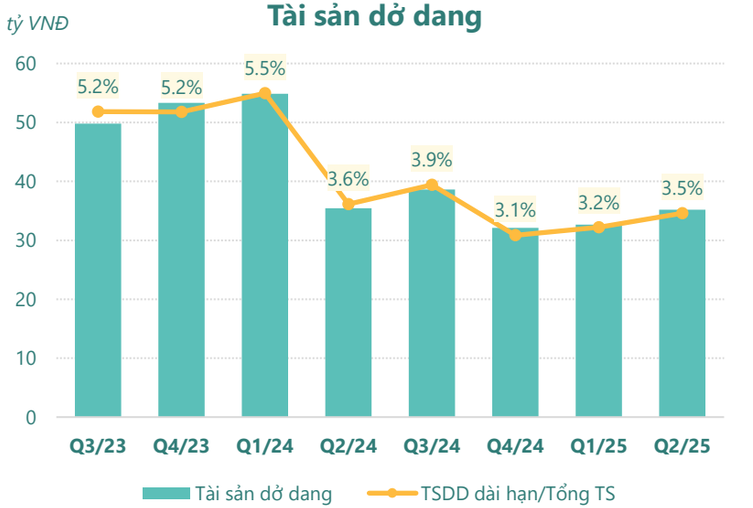
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



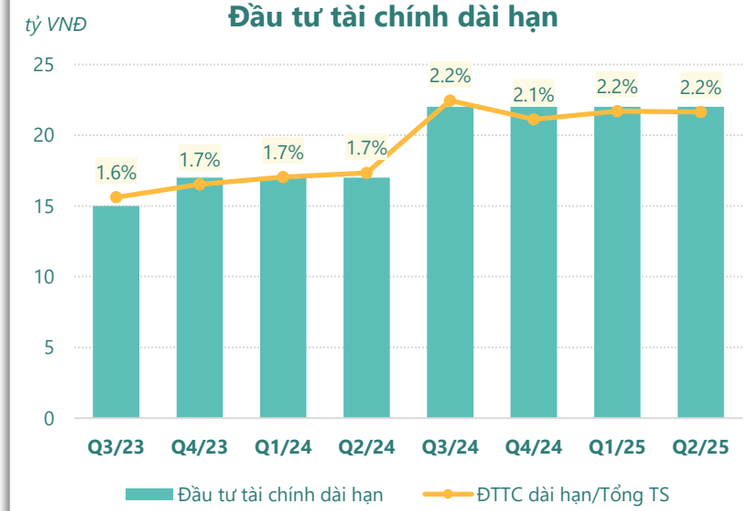
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



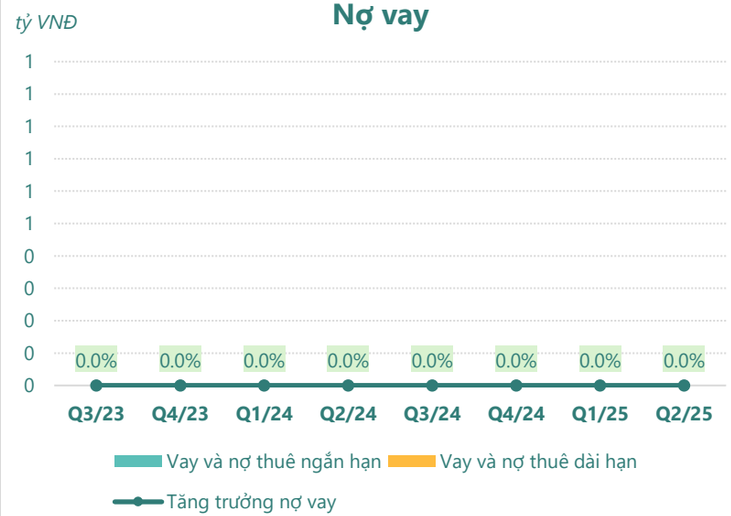
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

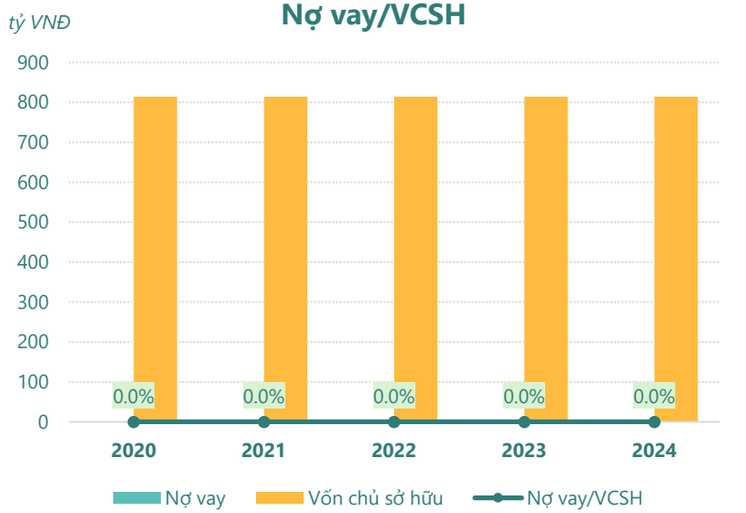
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

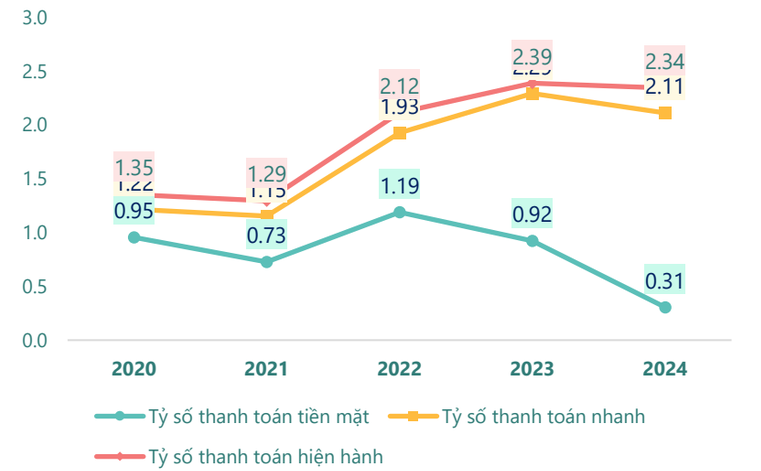
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



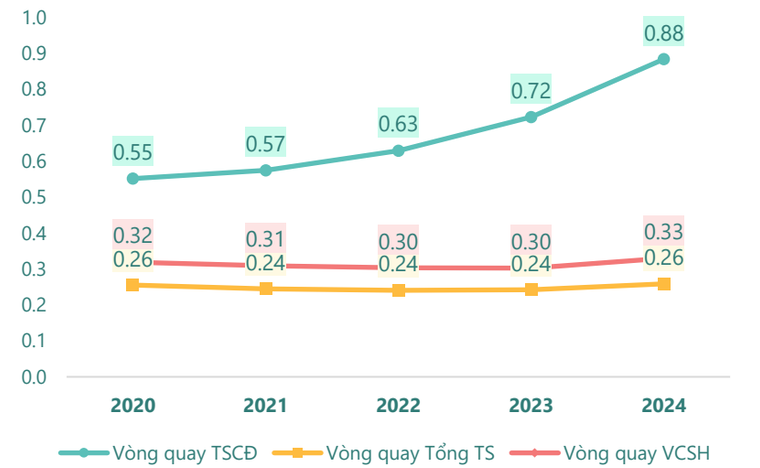
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



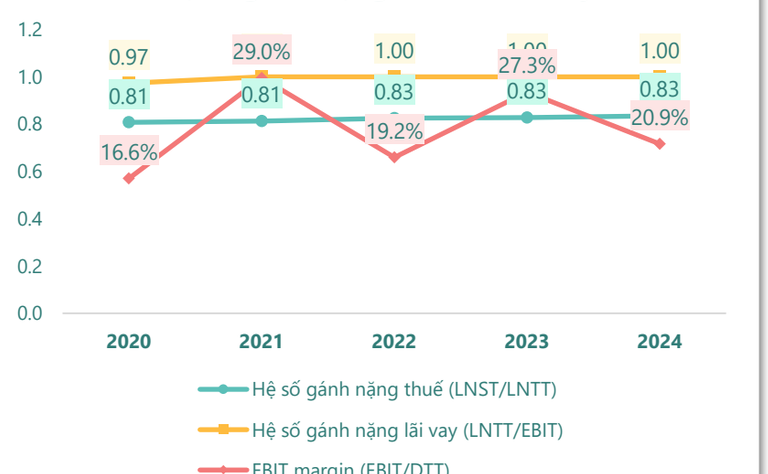
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



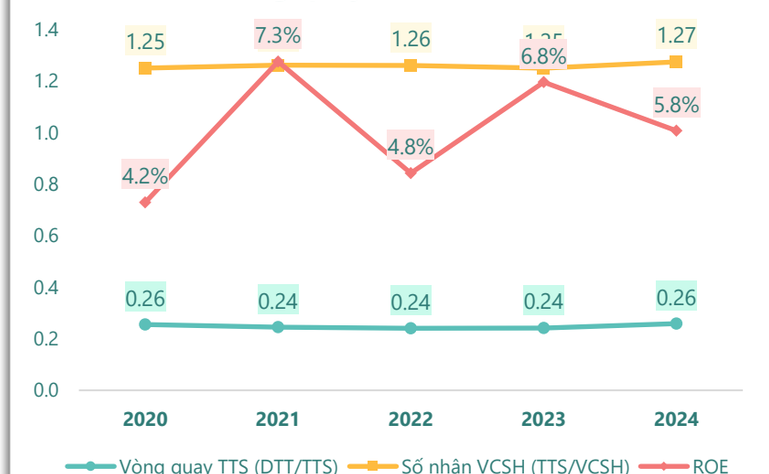
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



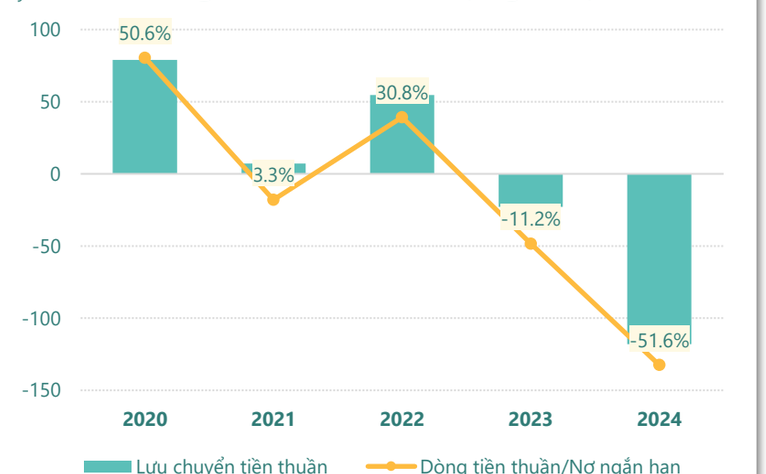
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**19.4**	**62.2**	**-68.9%**	**120**	**75.4**	**58.9%**
Giá vốn hàng bán	19.8	67.0	-70.4%	90.7	78.3	15.8%
Lợi nhuận gộp	-0.47	-4.81	90.2%	29.2	-2.84	1126%
Doanh thu HĐTC	15.2	9.72	56.5%	15.5	13.2	18.0%
Chi phí TC	2.48	1.91	29.6%	2.87	2.29	25.5%
Chi phí lãi vay	0.01	0.00		0.01	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.03	-100%	0.07	0.04	51.5%
Chi phí QLDN	**8.31**	**7.26**	**14.4%**	**9.85**	**10.5**	**-5.9%**
LN thuần từ HĐKD	3.97	-4.29	192%	31.9	-2.48	1385%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-3.48**	**99.3%**	**-0.03**	**-3.49**	**99.2%**
LN trước thuế	3.94	-7.77	151%	31.9	-5.97	634%
Lợi nhuận sau thuế	**4.23**	**-7.43**	**157%**	**26.6**	**-5.99**	**544%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.23**	**-7.43**	**157%**	**26.6**	**-5.99**	**544%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-43.0	21.3	49.5	33.7	27.5	-16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.21	1.72	-42.0	-104	-79.4	24.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-17.9	0	-13.1	0	-12.7
Tiền đầu kỳ	188	141	146	154	70.0	18.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-47.2**	**5.19**	**7.53**	**-83.6**	**-51.9**	**-4.83**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	141	146	154	70.0	18.1	13.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,017**	**1,043**	**-2.4%**
Tài sản ngắn hạn	527	536	-1.6%
Tiền và tương đương tiền	13.3	70.0	-81.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	460	373	23.4%
Phải thu ngắn hạn	25.6	40.4	-36.7%
Hàng tồn kho	28.4	52.6	-46.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.07	-71.0%
Tài sản dài hạn	**490**	**507**	**-3.3%**
Phải thu dài hạn	5.00	5.00	0.0%
Tài sản cố định	277	295	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	35.2	32.1	9.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	22.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**151**	**152**	**-1.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	177	229	-22.8%
Nợ ngắn hạn	**177**	**229**	**-22.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.60	2.37	221%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**841**	**814**	**3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**841**	**814**	**3.3%**
Vốn điều lệ	814	814	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)